



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: 024.38252791 - Fax: 024.38256911



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM
CERTIFICATE OF ANALYSIS

VIETNAMESE PHARMACOPOEIA REFERENCE SUBSTANCE

HESPERIDIN

$C_{28}H_{34}O_{15}$

SKS: EC0225006

I. **Mục đích sử dụng:** Chuẩn DDVN Hesperidin SKS: EC0225006 được sử dụng trong phép thử định tính và định lượng bằng phương pháp hóa lý.
Intended use: The Vietnamese Pharmacopoeia Reference Substance for Hesperidin Control No. EC0225006 is intended to be used in the physicochemical analysis for identity and assay.

II. **Mô tả:** Bột màu trắng ngà
Description: A ivory white powder.

III. **Kết quả phân tích:** Tiến hành song song với chuẩn Hesperidin USPRS lô R09140, có hàm lượng 0,936 mg/mg $C_{28}H_{34}O_{15}$ tính theo nguyên trạng.
Analytical data: The Hesperidin USPRS Control No. R09140 was used as Standard and regarded as 0,936 mg/mg $C_{28}H_{34}O_{15}$, calculated on the as is basis.

1. **Định tính/**
Identifications

a. Phổ IR : Phù hợp với phổ hồng ngoại của Hesperidin chuẩn.
Concordant with the reference IR absorption spectrum of Hesperidin RS.

d. HPLC : Thời gian lưu của pic chính trên sắc ký đồ dung dịch thử tương ứng với thời gian lưu của pic Hesperidin trên sắc ký đồ dung dịch chuẩn.
In the chromatograms, the test solution has major peak corresponds to the Hesperidin in the reference solution.

2. **Mất khối lượng** : 1,3 %
do làm khô/ Loss
on drying

3. **Tạp chất liên** : Tổng tạp: 4,3 %
quan (HPLC)/ *Total impurities: 4.3 %*
Related substances

4. Định lượng : 91,6 % Hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$), tính theo nguyên trạng.

(HPLC)/ Assay

Độ không đảm bảo đo mở rộng $U = \pm 0,2 \%$, hệ số phủ $k = 2$ ở độ tin cậy 95%.

91.6 % Hesperidin ($C_{28}H_{34}O_{15}$), calculated on the "as is" basis. Expanded uncertainty of the certified value $U = \pm 0,2 \%$, calculated using a coverage factor $k = 2$ at level of confidence of approximately 95%.

IV. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

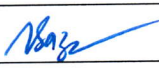
Direction for use: Do not dry before use.

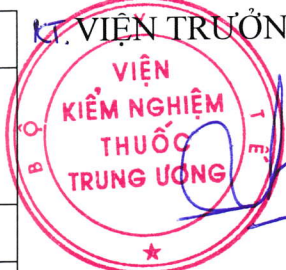
V. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Storage: Keep container protected from light, preferably at the temperature from 2 - 8 °C.

Date of adoption: July 30th, 2025

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Kiểm tra định kỳ/ Checking		
Đã kiểm tra (năm)/ Checked (year)	Kiểm tra lần sau (năm)/ Revised (year)	Phụ trách khoa (ký)/ Approved (sign)
	07/2028	

KI. VIỆN TRƯỞNG/ DIRECTOR
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Lê Quang Thảo

Các thông tin về chất chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>

Visit the flowing link to see the updated information of reference substances:
<http://www.nidqc.org.vn>

VKN/BM/20.02 (10)

2/2

Ngày ban hành: 27/02/2024

Hesperidin SKS: EC0225006